

BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN

1. Tên sáng kiến: Một số biện pháp giúp học sinh lớp 4 học tốt nội dung kiến thức về danh từ, động từ, tính từ góp phần nâng cao nâng cao chất lượng dạy - học phân môn Luyện từ và câu.

2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Phân môn Luyện từ và câu

3. Tác giả:

Họ và tên: Đỗ Thị Hương

Ngày/tháng/năm sinh: 15/8/1987

Chức vụ, đơn vị công tác: Tổ phó tổ 4 - Trường Tiểu học Quang Trung

Điện thoại: 0387050145

4. Đơn vị áp dụng sáng kiến:

Tên đơn vị: Trường Tiểu học Quang Trung

Địa chỉ: Thôn Câu Hạ B, xã Quang Trung, huyện An Lão, TP Hải Phòng.

II. MÔ TẢ GIẢI PHÁP ĐÃ BIẾT

Môn Tiếng Việt nói chung, phân môn Luyện từ và câu nói riêng góp phần rèn luyện cho học sinh năng lực sử dụng Tiếng Việt - tiếng mẹ đẻ một cách hiệu quả nhất, mở rộng và hệ thống hoá vốn từ, làm phong phú vốn từ của học sinh, cung cấp cho học sinh những hiểu biết sơ giản về từ và câu, rèn cho học sinh kỹ năng dùng từ đặt câu và sử dụng các kiểu câu (câu kể, câu nghi vấn, câu cảm,...) để thể hiện suy nghĩ, tình cảm của mình, đồng thời giúp các em có khả năng hiểu rõ câu nói của người khác. Điều đó cho thấy, Môn Tiếng Việt có vai trò rất quan trọng trong việc phát triển ngôn ngữ, trí tuệ cho học sinh, là tiền đề để học sinh học tập tốt các môn học khác.

Trong nội dung dạy - học Luyện từ và câu ở Tiểu học, từ loại chiếm một vị trí quan trọng. Ở lớp 2, các em được làm quen với các từ chỉ vật; từ chỉ hoạt động, trạng thái; từ chỉ đặc điểm, tính chất. Kiến thức này lại tiếp tục được ôn tập, củng cố ở lớp 3. Đến lớp 4, các em làm quen với thuật ngữ *danh từ, động từ, tính từ*. Lên lớp 5, các em được tìm hiểu về hai từ loại mới là đại từ và quan hệ từ. Tuy vậy, các em vẫn có một số tiết ôn tập về từ loại (danh từ, động từ, tính từ). Đây cũng là một mảng kiến thức xuyên suốt, phục vụ các em trong các năm học, bậc học tiếp theo.

Tuy nhiên với Chương trình hiện hành nội dung kiến thức về danh từ, động từ, tính từ trong phân môn Luyện từ và câu lớp 4 đã và đang được giảng dạy theo một quy trình phổ biến là:

- Đối với dạng bài hình thành kiến thức mới: GV hướng dẫn, đưa ra các khái niệm về danh từ, động từ, tính từ để HS nhận biết, nắm bắt, ghi nhớ và vận dụng làm bài tập.

- Đối với dạng bài Luyện tập: GV yêu cầu HS vận dụng các kiến thức đã học về các từ loại danh từ, động từ, tính từ (trong các bài hình thành kiến thức mới) để làm bài tập (có phân tích, hướng dẫn hoặc làm mẫu - nếu cần thiết).

+ Sau khi H làm bài (cá nhân hoặc nhóm) -> HS trình bày bài làm -> GV nhận xét, chữa bài (nếu chưa đúng), chốt bài làm đúng để HS ghi nhớ.

Cách làm này có một số ưu điểm và hạn chế như sau:

1. Ưu điểm:

- GV không mất nhiều thời gian để nghiên cứu bài dạy vì đã có sẵn một quy trình phổ biến (như đã nêu ở trên).
- GV không mất nhiều công sức, trí tuệ để xây dựng, thiết kế tiết dạy.
- GV dễ dàng tìm kiếm được các loại sách, tài liệu như sách giáo khoa, sách giáo viên, sách thiết kế,... để tham khảo.
- HS nắm được kiến thức cơ bản về danh từ, động từ, tính từ.

2. Hạn chế:

- Giáo viên và học sinh thực hiện việc dạy - học nội dung kiến thức về danh từ, động từ, tính từ trong phân môn Luyện từ và câu hiện nay một cách dập khuôn, máy móc theo quy trình: Giáo viên nêu kiến thức (phần Nhận xét - sách giáo khoa), đưa ra khái niệm (phần Ghi nhớ - sách giáo khoa) -> HS nắm bắt, học thuộc để vận dụng làm bài tập.
- Đôi khi, một số giáo viên (đặc biệt là GV mới ra trường) chưa có kinh nghiệm giảng dạy nên chưa nắm được hết các cách chuyển loại của danh từ, động từ, tính từ trong câu dẫn đến còn lúng túng khi truyền thụ kiến thức cho HS.
- Một số ít GV chưa đầu tư nhiều thời gian cho việc nghiên cứu để khai thác, tìm ra phương pháp dạy học mới, tích cực giúp HS học tập hiệu quả hơn nội dung kiến thức về danh từ, động từ, tính từ; còn lệ thuộc máy móc vào sách giáo khoa, sách giáo viên, sách thiết kế,... ít sáng tạo, chưa lôi cuốn được học sinh.
- HS không thuộc hoặc hiểu chưa rõ, chưa sâu khái niệm về từ loại nên xác định danh từ, động từ, tính từ còn nhầm lẫn dẫn đến kết quả học tập chưa cao.
- Chương trình sách giáo khoa chưa mở rộng để HS nắm sâu kiến thức về từ loại ở mỗi bài; số tiết Luyện tập về từ loại Tiếng Việt (danh từ, động từ, tính từ) trong sách giáo khoa còn ít nên HS chưa được thực hành nhiều dẫn đến tiết học trở nên nhàm chán, chưa thu hút được HS.
- Chưa đáp ứng được nhu cầu, đòi hỏi ngày càng cao của người học; chưa phát huy được tính tích cực, chủ động sáng tạo của HS. Chưa phát huy được tối đa các kĩ năng về: giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm... của HS trong quá trình học tập.

Để phát huy những ưu điểm đồng thời khắc phục những hạn chế nêu trên, tôi xin mạnh dạn đưa ra đề tài: ***Một số biện pháp giúp học sinh lớp 4 học tốt nội dung kiến thức về danh từ, động từ, tính từ góp phần nâng cao chất lượng dạy - học phân môn Luyện từ và câu.*** Cụ thể như sau:

III. NỘI DUNG GIẢI PHÁP ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN:

III.1. NỘI DUNG GIẢI PHÁP: Đề tài tôi đưa ra gồm 5 biện pháp:

Biện pháp 1: Giúp học sinh xác định đúng danh từ, động từ, tính từ dựa vào khả năng kết hợp của từ

Tôi đã nghiên cứu kĩ nội dung kiến thức về từ loại của từ trong chương trình SGK cũng như một số tài liệu tham khảo khác kể cả thông tin trên Internet, mạng xã hội,... cùng với kinh nghiệm giảng dạy Luyện từ và câu 4 trong nhiều năm. Sau khi giúp HS hiểu rõ và ghi nhớ được khái niệm về danh từ, động từ, tính từ ở mỗi tiết học như nội dung sách giáo khoa :

- Danh từ là từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng, khái niệm hoặc đơn vị) - Ghi nhớ SGK Tiếng Việt 4, tập 1 trang 53.

- Động từ là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật - Ghi nhớ SGK Tiếng Việt 4, tập 1 trang 94.

- Tính từ là những từ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái,... - Ghi nhớ SGK Tiếng Việt 4, tập 1 trang 111.

Sau đó, tôi lấy ví dụ, phân tích, giảng giải giúp học sinh xác định đúng danh từ, động từ, tính từ dựa vào khả năng kết hợp của từ như sau:

a. Danh từ

- Danh từ kết hợp được với các từ chỉ lượng: **những, tất cả, các, vài, ba, một**,... hoặc các từ chỉ loại: **cái, con**, ... Tất cả những từ này thường đứng trước danh từ. **VD:** tất cả học sinh, cái áo, dòng sông / con sông/ nhánh sông...

- Danh từ kết hợp được với các từ chỉ định như **này, kia, ấy, nọ**... Những từ này thường đứng sau danh từ. **VD:** cây táo kia, sự việc này, chị ấy, ...

DT

DT

DT

b. Động từ

- Động từ kết hợp được với các từ chỉ thời gian: **đã, đang, sắp, sẽ, vẫn**...

Ví dụ: Mùa xuân đã về.

ĐT

Ngoài ra động từ kết hợp được với các từ: **hãy, đừng, chớ**... khi cần biểu thị ý nghĩa sai khiến, mệnh lệnh. Những phụ từ này thường đứng trước động từ.

Ví dụ : Bạn đứng lại.

ĐT

- Động từ kết hợp được với các từ phủ định: **chưa, chẳng**,...

Ví dụ : Em chưa làm bài tập.

ĐT

c. Tính từ

- Tính từ kết hợp được với các từ chỉ mức độ: **rất, quá, lắm, hơi, vô cùng**,... chúng có thể đứng trước hoặc sau tính từ.

Ví dụ: Lan học rất giỏi. hoặc Nàng tiên xinh đẹp vô cùng.

TT

TT

Tôi còn nhấn mạnh để HS hiểu rõ: Danh từ nói chung không thể đặt sau các từ chỉ mức độ, tính chất như **rất, hơi, quá, lắm**,... những từ có ý nghĩa ngăn cản hay khuyến khích hành động như **hãy, đừng, chớ**,... Đây là cơ sở để ta phân biệt được danh từ khác với động từ và tính từ.

Ví dụ: Em đừng khóc nhé ! hoặc Hãy vứt rác đúng nơi quy định !

ĐT

ĐT

Mặc dù động từ có khả năng kết hợp rộng rãi với các từ khác nhưng lại không thể kết hợp được với các từ chỉ mức độ như **rất, hơi, quá, lắm, vô cùng**... Trừ những động từ chỉ cảm xúc thì vẫn có thể kết hợp với các từ chỉ mức độ. Đây là trường hợp học sinh hay nhầm sang tính từ, tôi lưu ý cho học sinh để phân biệt chính xác. Tính từ không kết hợp được với các từ chỉ mệnh lệnh (trừ một số trường hợp khác biệt) **VD như:** Hãy vui lên! Đừng buồn nhé!

TT

TT

Biện pháp 2: Giúp học sinh xác định đúng danh từ, động từ, tính từ dựa vào chức vụ ngữ pháp của từ trong câu

Cũng bằng kinh nghiệm giảng dạy Luyện từ và câu 4 nhiều năm, khi dạy học sinh kiến thức về các câu kể Ai làm gì ?, Ai thế nào ?, Ai là gì ?, tôi còn dạy HS cách xác định đúng danh từ, động từ, tính từ dựa vào chức vụ ngữ pháp của từ trong câu như sau:

a. Danh từ

- Danh từ trực tiếp làm chủ ngữ trong câu . Tôi nhấn mạnh với HS: Đây là trường hợp rất phổ biến **VD như:** Công việc này / thật hấp dẫn.

CN VN

- Danh từ làm vị ngữ trong câu kể Ai là gì ?

Ví dụ: Lúc ở nhà, mẹ / cũng là cô giáo.

CN VN

- Danh từ thường bổ sung ý nghĩa cho động từ.

Ví dụ: Tôi / yêu Việt Nam. (ĐT Việt Nam bổ sung ý nghĩa cho ĐT yêu)

Nhờ khả năng kết hợp về chức năng ngữ pháp nói trên mà danh từ có vai trò quan trọng trong ngôn ngữ, làm cho Tiếng Việt thêm đa dạng, phong phú, trong sáng và giàu sức thuyết phục: **Phong ba bão táp không bằng ngữ pháp Việt Nam.**

b. Động từ

Động từ có khả năng đảm nhiệm chức năng của các thành phần câu như chủ ngữ, vị ngữ. Trường hợp phổ biến học sinh thường gặp khi làm bài là động từ làm vị ngữ trong câu kể Ai làm gì? **VD 1:** Các em học sinh/ đang chơi đùa.

CN VN

VD 2: Học / không bao giờ là thừa.

CN VN

c. Tính từ

Tính từ có khả năng đảm nhiệm chức năng của các thành phần câu; tính từ thường làm vị ngữ trong câu kể Ai thế nào?

Ví dụ: Những luống rau cải / xanh mơn mớn.

CN VN

Biện pháp 3: Giúp học sinh xác định đúng danh từ, động từ, tính từ dựa vào sự chuyển loại của từ trong câu

Tôi luôn tự học hỏi, trau dồi, bồi dưỡng kiến thức Tiếng Việt để tự tin truyền thụ kiến thức cho HS. Ngoài 2 biện pháp nêu trên, tôi còn lấy ví dụ, phân tích, giảng giải giúp học sinh xác định đúng danh từ, động từ, tính từ dựa vào sự chuyển loại của từ trong câu. Với cách làm này, tôi luôn nhắc nhở HS: Khi tìm hiểu sự chuyển loại của từ ta cần dựa vào nội dung của câu và khả năng kết hợp của từ (như đã nêu ở **biện pháp 1**) để xác định từ loại của từ cho chính xác. Cụ thể là:

a. Danh từ

- Danh từ chuyển thành tính từ. **VD như:** Chúng tôi là người Việt Nam.

DT

Thơ Tố Hữu rất Việt Nam.

TT

- Danh từ chuyển thành động từ.

Ví dụ: Những đề nghị của bạn đã được chấp nhận.

DT

Đề nghị mọi người trật tự !

ĐT

b. Động từ

- Động từ chuyển thành tính từ. **VD:** + Cây ơi! Hãy cao nhanh lên!

ĐT

+ Cây đã lên rất cao.

TT

c. Tính từ

- Tính từ chuyển thành danh từ:

VD 1. Con đã có một hành động anh hùng, con trai ạ!

TT

Con mới chính là người anh hùng thực sự, con trai ạ!

DT

VD 2. Chị Loan rất chân thật.

TT

Chân thật là phẩm chất đẹp của chị Loan.

DT

- Tính từ chuyển thành động từ như: **VD 1.** Lô hàng rất đảm bảo.

TT

VD 2. Tôi đảm bảo chuyến đi này sẽ an toàn.

ĐT

Tóm lại, ở nội dung này, tôi luôn khắc sâu cho HS hiểu: Khi tìm hiểu sự chuyển loại của từ các em cần đọc kĩ câu, dựa vào nội dung của câu và khả năng kết hợp của từ để xác định từ loại của từ cho chính xác.

Biện pháp 4: Biên soạn thêm các bài tập thực hành củng cố kiến thức về danh từ, động từ, tính từ cho học sinh trong các tiết Tiếng Việt bổ trợ

Nội dung kiến thức về danh từ, động từ, tính từ là một mảng kiến thức khó nhưng các bài tập thực hành củng cố kiến thức về từ loại của từ loại trong chương trình SGK còn chưa nhiều. Nên tôi đã chủ động nghiên cứu, biên soạn thêm các bài tập thực hành củng cố kiến thức. Đối với biện pháp này, trong quá trình giảng dạy, tôi thường xuyên vận dụng các hình thức dạy học, phương pháp dạy học mới tích cực phù hợp như: làm việc nhóm, kĩ thuật ô bi, khăn trải bàn,... tổ chức các trò chơi học tập để phát triển năng lực, phẩm chất; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS khi lĩnh hội kiến thức. Đồng thời tạo không khí lớp học thoải mái, vui vẻ, sôi nổi. Đặc biệt, trong quá trình học tập tôi còn thường xuyên nhận xét, đánh giá kết quả học tập của HS từ đó có những lời khen ngợi, động viên, khích lệ, nhắc nhở các em một cách kịp thời theo đúng hướng dẫn của thông tư 22. Cụ thể như:

a. Xác định từ loại của từ đã cho

Ví dụ: Xác định từ loại của các từ sau: *niềm vui, vui tươi, vui chơi, tình yêu, yêu thương, đáng yêu.*

Để làm được dạng bài tập này, học sinh chỉ cần nắm được khái niệm về danh từ, động từ, tính từ cũng như khả năng kết hợp của nó nên tôi đã hướng dẫn các em cách xác định từ loại của từ qua các bước:

- **Bước 1:** Để xác định từ loại của những từ này, học sinh phải làm việc cá nhân, suy xét về ý nghĩa (*chỉ đối tượng, chỉ hành động hay chỉ tính chất*) cũng như thử các khả năng kết hợp của chúng. Ví dụ:

+ những niềm vui -> thêm được “những” vào trước từ đó thì nó là danh từ.

+ hãy vui chơi -> thêm được “hãy” vào trước từ đó thì nó là động từ.

+ rất đáng yêu -> thêm được “rất” vào trước từ đó thì nó là tính từ.

- **Bước 2:** HS trình bày bài làm - chia sẻ bài trong nhóm (nhóm đôi, nhóm 4, nhóm 6, *kỹ thuật ổ bi, khăn trải bàn*,...tùy theo tình hình thực tế của lớp) hoặc trước lớp hoặc tổ chức trò chơi học tập như: *Ai nhanh - Ai đúng, Rung chuông vàng*,...

- **Bước 3:** GV nhận xét, đánh giá: khen ngợi, động viên, khích lệ, nhắc nhở HS kịp thời -> GV chốt lại bài làm đúng.

b. Dạng thứ hai: Xác định từ loại trong đoạn thơ văn, câu văn, thành ngữ, tục ngữ có sẵn

Ví dụ 1: Xác định động từ, danh từ, tính từ trong hai câu thơ sau:

Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay

Vượn hót chim kêu suốt cả ngày .

Ở dạng bài tập này, trước tiên tôi hướng dẫn học sinh phải xác định đúng ranh giới các từ rồi xét ý nghĩa và các khả năng kết hợp của từ. Sau đó xếp chúng vào ba nhóm thích hợp (Danh từ, động từ, tính từ):

Cảnh rừng / Việt Bắc / thật / là / hay

Vượn / hót / chim / kêu / suốt / cả ngày //.

Nhìn vào ranh giới từ như trên, HS dễ dàng phân loại đúng danh từ, động từ, tính từ là:

+ Danh từ: cảnh rừng, Việt Bắc, vượn, chim, cả ngày

+ Động từ: hót, kêu

+ Tính từ: hay

Ví dụ 2: Xác định từ loại của các từ trong các thành ngữ sau:

a. *Đi ngược, về xuôi.*

b. *Có công mài sắt, có ngày nên kim.*

Cách làm tương tự như VD 1. Sau khi xác định ranh giới các từ trong 2 câu trên, HS có thể sử dụng từ điển Tiếng Việt để tìm hiểu nghĩa của từ mà các em chưa hiểu.

Ở bài tập này, các từ loại học sinh có thể xác định nhanh và rõ ràng, chính xác là “*đi, về, mài*” (động từ). Nhưng các từ “*ngược*”, “*xuôi*” các em lúng túng và hay xếp các từ này vào loại tính từ. Khi chữa bài, tôi giải thích rõ cho học sinh hiểu: ở đây “*ngược*”, “*xuôi*” trong thành ngữ tục ngữ này “*ngược*” là chỉ vùng núi còn “*xuôi*” chỉ vùng đồng bằng, nên xếp các từ này là danh từ. Còn từ “*nên*” có trong thành ngữ tục ngữ “*Có công mài sắt có ngày nên kim*” từ “*nên*” nghĩa là “*thành*”. Chính vì thế “*nên*” là động từ.

c. Dạng thứ ba: Xác định từ loại dựa vào sự chuyển loại của từ

Ví dụ 1: Xác định từ loại của từ **xanh** trong câu 2 câu văn dưới đây:

a. Tôi có một cái áo **xanh**.

b. **Xanh** là màu tôi yêu thích.

Ví dụ 2: Xác định từ loại của từ **anh hùng** trong các câu sau:

a. Con mới chính là người **anh hùng** thực sự, con trai ạ!

b. Con đã có một hành động **anh hùng**, con trai ạ!

Ví dụ 3: Xác định từ loại của từ **yêu quý** trong các câu sau :

a. Em **yêu quý** đất nước Việt Nam.

b. Đất nước Việt Nam **yêu quý** của em.

Để giúp học sinh làm tốt dạng bài tập này, tôi yêu cầu học sinh đọc và phân tích kỹ nghĩa của mỗi từ trong từng câu văn.

- **Bước 1:** Làm mẫu ví dụ 1, tôi nhấn mạnh cho học sinh hiểu rằng từ **xanh** trong câu văn a là tính từ vì nó chỉ màu sắc, nhưng sang câu b thì nó chuyển loại thành danh từ vì trong văn cảnh ấy “**xanh**” chỉ tên một loại màu.

- **Bước 2:** Cách tiến hành tương tự như ví dụ 1, tôi yêu cầu học sinh làm việc cá nhân sau đó thảo luận theo nhóm 4 để hoàn thành tiếp ví dụ 2 và ví dụ 3.

- **Bước 3:** Đại diện các nhóm HS trình bày, chia sẻ trước lớp -> Giáo viên nhận xét, đánh giá: khen ngợi, động viên, khích lệ, nhắc nhở HS kịp thời -> GV chốt lại bài làm đúng: **Ví dụ 1:** a. Tôi có một cái áo **xanh**.

b. **Xanh** là màu tôi TT yêu thích.

Ví dụ 2: a. Con DT mới chính là người **anh hùng** thực sự, con trai ạ!

DT

b. Con đã có một hành động **anh hùng**, con trai ạ!

TT

Ví dụ 3: a. Em **yêu quý** đất nước Việt Nam.

DT

b. Đất nước Việt Nam **yêu quý** của em.

TT

Ngoài các dạng bài tập như trên, tôi còn đưa ra một số dạng bài tập khác như xác định từ loại dựa vào chức vụ ngữ pháp trong câu, điền từ thích hợp vào chỗ chấm,...

Biện pháp 5: Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

Tận dụng nguồn cơ sở vật chất sẵn có tại đơn vị: mỗi phòng học đều được trang bị 01 tivi màn hình rộng nên tôi đã linh hoạt sử dụng để:

+ Giải nghĩa từ ngữ Tiếng Việt bằng cách trực quan hình ảnh giúp HS hiểu nghĩa của từ. Từ đó xác định chính xác từ loại của từ. VD như:

Khi học bài Động từ - trang 93, SGK Tiếng Việt 4, tập 1, để giúp HS phân biệt được trạng thái của dòng thác đổ nước từ trên cao xuống, trạng thái của lá cờ tung bay trong gió, tôi đã trình chiếu lên màn hình tivi để HS theo dõi 2 đoạn video ngắn (hình ảnh động) về nội dung trên.

Tương tự vậy, tôi trình chiếu lên màn hình tivi cho HS theo dõi video ngắn thể hiện trạng thái mặt trời nhô cao lúc bình minh để giúp HS dễ dàng xác định được: **đổ, bay, nhô** là động từ chỉ trạng thái trong các câu:

- Dòng thác nước **đổ** xuống làm chạy máy phát điện.
- Cờ **đỏ** sao vàng **phấp phới bay** trên những con tàu lớn.
- Mặt trời từ từ **nhô** lên ở phía đằng Đông.

Hay khi yêu cầu HS xác định danh từ trong câu thơ:

*Ngấn nắng thiu thiu
Quạt cho bà ngủ.*

Để giải nghĩa từ “**ngắn nắn**” cho HS, tôi đã chụp hình ảnh tia nắng chiếu lên tường thành từng ngắn (vệt nắng) rồi trực quan hình ảnh lên màn hình tivi để HS hiểu. Từ đó, HS dễ dàng xác định được: **ngắn nắn** trong dòng thơ trên là danh từ.

+ Trực quan bài làm của HS bằng cách soi lên màn hình tivi lớn để HS dễ dàng chia sẻ, nhận xét, đánh giá bài của nhau giúp các em học tập được cái hay, cái đẹp từ bài làm của bạn, thấy được lỗi và biết cách sửa lỗi đồng thời ghi nhớ kiến thức được sâu hơn, dễ dàng hơn.

III.2: Tính mới, tính sáng tạo:

1. Tính mới

a. Sử dụng kiến thức liên môn

- Trong quá trình dạy - học phân môn Luyện từ và câu 4, tôi đã sử dụng kiến thức tích hợp liên môn (liên phân môn) với các môn học (phân môn) khác nhau giúp HS ghi nhớ, nắm vững các cách để xác định đúng danh từ, động từ, tính từ theo yêu cầu ở mỗi bài tập khác nhau như:

+ Tích hợp liên phân môn với Tập đọc: Đọc các đoạn văn (đoạn thơ) và trả lời câu hỏi. Đây là một trong các dạng bài mà tôi đã sử dụng phổ biến nhất. VD: bài 1 - phần Nhận xét trang 52, tiết Danh từ; bài 2 - phần Luyện tập trang 94, tiết Động từ; bài 1 - phần Nhận xét trang 110, tiết Tính từ - SGK Tiếng Việt 4, tập 1,...

+ Tích hợp liên phân môn với Kể chuyện: bài 2 - phần Luyện tập trang 24, SGK Tiếng Việt 4, tập 2, tiết Câu kể Ai thế nào? (Kể về các bạn trong tổ em, trong lời kể có sử dụng một số câu kể Ai thế nào?);...

+ Tích hợp liên phân môn với Tập làm văn: bài 3 - phần Luyện tập trang 167, SGK Tiếng Việt 4, tập 1, tiết Câu kể Ai làm gì? (Viết một đoạn văn kể về các công việc trong một buổi sáng của em. Cho biết những câu nào trong đoạn văn là câu kể Ai làm gì?);...

+ Tích hợp liên môn với Lịch sử và Địa lí: bài 1,2,3 - phần Nhận xét trang 57, SGK Tiếng Việt 4, tập 1, tiết Danh từ chung và danh từ riêng; bài 2 - phần Luyện tập trang 75, SGK Tiếng Việt 4, tập 1, tiết Luyện tập viết tên người, tên địa lí Việt Nam;...

+ Tích hợp liên môn với biểu diễn nghệ thuật (biểu diễn kịch câm): bài 3 - phần Luyện tập trang 94, SGK Tiếng Việt 4, tập 1, tiết Động từ (Nói tên các hoạt động, trạng thái được bạn thể hiện bằng cử chỉ, động tác không lời: 1 HS biểu diễn - HS khác nói tên các hoạt động, trạng thái đó);...

b. Vận dụng các phương pháp, hình thức, kĩ thuật dạy học tích cực

- Trong quá trình giảng dạy, tôi thường xuyên vận dụng các hình thức dạy học, phương pháp dạy học mới tích cực sao cho phù hợp với nội dung hoạt động, từng bài cụ thể như: làm việc nhóm (hoạt động điển hình của phương pháp dạy học tích cực), kĩ thuật ô bi, khăn trải bàn, băng truyền, ... để HS được trao đổi kiến thức, chia sẻ bài làm với nhau giúp phát triển năng lực, phẩm chất; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS - tạo tiền đề để GV và HS tiếp cận với chương trình giáo dục phổ thông 2018.

c. Đổi mới trong đánh giá, nhận xét học sinh theo thông tư 22

- Tôi luôn quan tâm tới mọi đối tượng HS và thường xuyên nhắc nhở, giúp đỡ, động viên, khen ngợi các em kịp thời, đúng mức ở mỗi tiết học, mỗi nội dung, hoạt động cụ thể theo đúng hướng dẫn của thông tư 22 sao cho phù hợp, tránh tình trạng

khen ngợi quá mức để rồi các em không cố gắng, tự giác trong học tập, chủ quan nhằm tưởng về năng lực của bản thân. Đồng thời không chê trách hoặc chê trách nhiều làm các em tự ti mặc cảm với bạn bè dẫn đến học tập sa sút.

- Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh học sinh trong việc đánh giá, nhận xét HS. Phát huy tối đa việc HS nhận xét, đánh giá lẫn nhau thông qua hoạt động nhóm.

2. Tính sáng tạo

a. Tích cực ứng dụng các tiện ích của công nghệ thông tin trong dạy học, góp phần thúc đẩy phát triển số trong giáo dục

- Tôi đã tích cực vận dụng các tiện ích của công nghệ thông tin trong dạy học phân môn Luyện từ và câu 4 nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng các tiết học (như đã trình bày ở **biện pháp 5**). Cụ thể như:

+ Giải nghĩa từ bằng việc trình chiếu hình ảnh để HS dễ dàng nắm bắt và ghi nhớ nghĩa của từ giúp các em xác định đúng từ đó là danh từ, động từ hay tính từ.

+ Trực quan bài làm của HS giúp các em thuận tiện hơn khi đánh giá, trao đổi, chia sẻ kiến thức với nhau.

- Ngoài ra tôi còn giúp HS chủ động tự nghiên cứu, tìm hiểu nghĩa của từ; nắm bắt các cách (ngoài SGK) để xác định đúng danh từ, động từ, tính từ,...qua mạng Internet.

b. Tự nghiên cứu, tìm tài liệu qua nhiều kênh thông tin khác nhau

- Tôi tự nghiên cứu, tìm tài liệu tham khảo qua nhiều kênh thông tin khác nhau như: từ kinh nghiệm giảng dạy của đồng nghiệp, từ sách báo, mạng Internet, mạng xã hội,...để trau dồi kiến thức, có hiểu biết vững vàng về danh từ, động từ, tính từ giúp bản thân tự tin hơn khi truyền thụ kiến thức cho HS.

- Tôi chủ động thay đổi hoặc biên soạn các dạng bài tập về từ loại của từ phù hợp với đối tượng HS lớp mình giảng dạy giúp các em tiếp thu và ghi nhớ kiến thức nhanh hơn, sâu hơn (như đã nêu ở **biện pháp 4**).

c. củng cố kiến thức về từ loại của từ bằng việc đổi mới hình thức tổ chức

Để giúp HS củng cố kiến thức về từ loại của từ một cách chủ động tôi vận dụng đổi mới hình thức tổ chức hoạt động dạy học mới như: trò chơi học tập (Rung chuông vàng, Tiếp sức, Ai nhanh - Ai đúng?....); vẽ sơ đồ tư duy thể hiện nội dung kiến thức em lĩnh hội được trong tiết học;... Với hình thức này tôi đã tạo ra không khí vui tươi, sôi nổi trong lớp học gây hứng thú cho HS; tránh được sự nhàm chán, thụ động khi các em tiếp thu kiến thức; HS ghi nhớ kiến thức nhanh hơn, sâu hơn.

III.3. Khả năng áp dụng, nhân rộng

Đề tài: *Một số biện pháp giúp học sinh lớp 4 học tốt nội dung kiến thức về danh từ, động từ, tính từ góp phần nâng cao chất lượng dạy - học phân môn Luyện từ và câu* mà tôi đưa ra đã được áp dụng và mang lại hiệu quả cao đối với HS lớp 4D - Trường Tiểu học Quang Trung do tôi trực tiếp chủ nhiệm và giảng dạy. Nên đề tài này có thể áp dụng rộng rãi trong toàn trường đối với HS khối 4, 5 và tất cả các trường Tiểu học trong toàn huyện An Lão, toàn Thành phố Hải Phòng - nơi tôi đang công tác.

III.4. Hiệu quả, lợi ích thu được do áp dụng giải pháp

a. Hiệu quả kinh tế

Tận dụng thuận lợi về hệ thống cơ sở vật chất thiết yếu: tất cả các phòng học trong nhà trường đều được trang bị một tivi màn hình lớn phục vụ việc dạy - học nên

tôi dễ dàng vận dụng các tiện ích của công nghệ thông tin trong các hoạt động cụ thể như: giải nghĩa từ, kiểm tra, chữa bài của HS (dùng tivi, kết hợp với máy tính để soi bài của HS) giúp HS trực quan một cách cụ thể sản phẩm học tập của mình, của bạn để so sánh, nhận xét, đánh giá bạn thật chính xác, tinh và nhanh. Bớt được một khoản tiền không nhỏ từ việc mua nguyên vật liệu để vẽ hoặc in ấn tranh ảnh phục vụ quá trình dạy học như trước đây lại tiết kiệm được thời gian chuẩn bị đồ dùng dạy - học.

b. Hiệu quả về mặt xã hội

Các giải pháp mà tôi đưa ra không chỉ làm lợi cho cá nhân mỗi GV trực tiếp giảng dạy, cho HS tại đơn vị tôi công tác mà còn thúc đẩy sự phát triển, nâng cao chất lượng dạy - học phân môn Luyện từ và câu. Cũng có nghĩa là các em sẽ học tập tốt hơn ở phân môn Tập làm văn: câu văn viết rõ ràng, đủ ý, đúng chức năng cú pháp, diễn đạt đúng nội dung cần thể hiện. Như vậy là đã nâng cao được chất lượng dạy - học môn Tiếng Việt nói chung và tất cả các môn học khác nữa trong hệ thống các trường Tiểu học. Đồng thời góp phần vào mục tiêu giáo dục nhằm đào tạo được đội ngũ những người lao động tương lai tự chủ, năng động, sáng tạo, tiếp cận và làm chủ được công nghệ tiên tiến, có năng lực giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra phù hợp với đòi hỏi ngày càng cao của xã hội - phù hợp với mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Các em là những người biết nói năng khôn khéo vừa thể hiện được suy nghĩ và tình cảm của mình, vừa giúp các em hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng của người khác qua câu nói của họ - tiền đề để các em trau dồi kiến thức trở thành những người dẫn chương trình (MC) tài năng, diễn giả nổi tiếng, nhà hùng biện giỏi,...

c. Giá trị làm lợi khác

Qua thực tiễn giảng dạy vận dụng các giải pháp nêu trên , tôi thấy chất lượng dạy - học phân môn Luyện từ và câu của lớp 4D do tôi chủ nhiệm đã được nâng cao rõ rệt. Đặc biệt là học sinh tự tin, hứng thú hơn khi học tiết Luyện từ và câu, góp phần nâng cao chất lượng dạy - học môn Tiếng Việt và các môn học khác. Đây là một hành trang quý báu giúp các em vững bước trên con đường chinh phục tri thức ở các cấp học cao hơn và ngoài thực tế cuộc sống.

Trên đây là một số giải pháp mà bản thân tôi đã đúc rút và thực hiện trong nhiều năm giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng dạy - học phân môn Luyện từ và câu. Tôi kính mong Ban giám khảo các cấp cùng bạn bè đồng nghiệp đóng góp ý kiến để đề tài của tôi đạt được kết quả tốt hơn nữa trong thời gian tới.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

An Lão, ngày 08 tháng 02 năm 2023

**CƠ QUAN ĐƠN VỊ
ÁP DỤNG SÁNG KIẾN**

TÁC GIẢ SÁNG KIẾN

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Đỗ Thị Hương

